



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03410/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KK1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Không khí
Vị trí lấy mẫu : KK1: khu vực tách lọc (X: 1186938.332; Y: 418587.424)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	66,6
3	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	74,4
4	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	54
5	CO ^(b)	µg/m ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)
6	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	64
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	171
8	Benzen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=5,5)
9	Toluen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,6)
10	Xylen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,7)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03411/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KK2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Không khí
Vị trí lấy mẫu : KK2: khu vực lò đốt - (X: 1186938.332; Y: 418587.424)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,2
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,6
3	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	74,4
4	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	78
5	CO ^(b)	µg/m ³	SOP-KK09/LAET	8.185
6	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	116
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	214
8	Benzen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=5,5)
9	Toluen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,6)
10	Xylen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,7)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 03412/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KK3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Không khí
Vị trí lấy mẫu : KK3: khu vực xử lý khí thải chung
(X: 1187082.518; Y: 418679.836)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,3
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	55,7
3	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	57,6
4	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	51
5	CO ^(b)	µg/m ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)
6	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	138
8	Benzen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=5,5)
9	Toluen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,6)
10	Xylen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,7)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03413/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KK4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH
PEDACO**

Ngày lấy mẫu : 15/06/2023

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Không khí

Vị trí lấy mẫu : KK4: khu vực lưu chứa chất thải nguy hại
(X: 1187069.919; Y: 418680.414)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,8
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	57,2
3	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	54,6
4	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	42
5	CO ^(b)	µg/m ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)
6	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	126
8	Benzen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=5,5)
9	Toluen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,6)
10	Xylen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,7)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03414/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KK5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH
PEDACO**

Ngày lấy mẫu : 15/06/2023

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Không khí

Vị trí lấy mẫu : KK5: khu vực hóa rắn
(X: 1187058.259; Y: 418674.005)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,5
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	61,3
3	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	54,4
4	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	44
5	CO ^(b)	µg/m ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)
6	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	52
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	150
8	Benzen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=5,5)
9	Toluen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,6)
10	Xylen ^(b)	µg/m ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6,7)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VINMERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03415/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO

Ngày lấy mẫu : 15/06/2023

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Khí thải lò đốt CTR sinh hoạt
(X: 1186949.070; Y: 418593.831)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN61-MT: 2016/BTNMT
					Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	141,1	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	23,5	120
3	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,001)	0,192
4	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,002)	0,24
5	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,116	1,44
6	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	1,7	-
7	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	3,5	300
8	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	64,4	600
9	O ₂ ^(b)	%	QTKT.01/LAET	14,9	-
10	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	6,5	300
11	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	18.971	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VINMERTS 077);
- QCVN61-MT: 2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt
- Cmax: Vùng 4: Nông thôn (Kv=1,2)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03416/2023/ PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KT2
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : Khí thải lò đốt chất thải công nghiệp theo
QCVN 30-MT:2012/BTNMT, cột B

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
					Giá trị tối đa cho phép
1	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	16.571	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	159,1	≤ 180
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	25,2	100
4	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	7,2	250
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	2,62	250
6	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	64,4	500
7	O ₂ ^(b)	%	QTKT.01/LAET	14,94	6 - 15
8	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	3,66	50
9	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,002)	0,2
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,001)	0,16
11	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,0825	1,2



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
12	Hydrocarbon (THC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	50
13	Tổng kim loại nặng Tất cả các kim loại nặng khác (As ^(b) , Sb ^(d) , Ni ^(b) , Co ^(d) , Cu ^(b) , Cr ^(b) , Sn ^(d) , Mn ^(b) , Ti ^(d) , Zn ^(b)) và hợp chất tương ứng	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,79	1,2

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- Thông số do nhà thầu phụ thực hiện (Số hiệu VIMCERTS 304);
3. QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03417/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO

Ngày lấy mẫu : 15/06/2023

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Khí thải tại ống khói khu vực xử lý khí thải chung CTNH
(X: 1187050,607; Y: 418700,905)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 56:2013/ BTNMT
					Nồng độ C	Nồng độ tối đa	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	65,8	-	-	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	18,9	200	-	≤ 150
3	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,001)	5	-	≤ 0,5
4	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,002)	-	-	-
5	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,132	5	-	≤ 15
6	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,08)	30	-	≤ 250
7	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	1,86	-	-	-
8	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	1,4	7,5	-	≤ 7,5
9	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	500	-	≤ 500
10	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	48,8	850	-	≤ 600
11	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	1.000	-	≤ 1.000





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 56:2013/ BTNMT
					Nồng độ C	Nồng độ tối đa	Giá trị giới hạn
12	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	8.412	-	-	-
13	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750	≤ 1.000
14	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	870	≤ 1.000
15	Tổng các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	-	-
16	Hydrocarbon (THC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	-	≤ 100

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B.
3. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. QCVN 56:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải
5. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
7. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03418/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH
PEDACO

Ngày lấy mẫu : 15/06/2023

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Khí thải tại ống khói tái chế nhựa dẻo
(X:1186901,739;Y:418681,442)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
					Nồng độ C	Nồng độ tối đa
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	16,5	200	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0,05)	-	-
3	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	5
4	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750
5	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	870
6	Tổng các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03419/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NN1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước dưới đất
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NN1: NN1: giếng số 1 (X:1186735.4975,
Y:418581.4657)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09- MT:2015/BTNMT
					Giá trị giới hạn
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,16	5,5 ÷ 8,5
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(b)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	209	500
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	1
4	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1
5	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,0296	3
6	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,362	0,5
7	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	1,93	5
8	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh



Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03420/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NN2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước dưới đất
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NN2: NN2: giếng số 2 (X:1186710.1363,
Y:418548.5893)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
					Giá trị giới hạn
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,29	5,5 ÷ 8,5
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(b)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	170	500
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	1
4	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1
5	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,0675	3
6	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,360	0,5
7	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	1,63	5
8	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03421/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NN3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước dưới đất
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NN3: NN3: giếng số 3 (X:1186707.8977,
Y:418559.5223)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09- MT:2015/BTNMT
					Giá trị giới hạn
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,27	5,5 ÷ 8,5
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(b)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	172	500
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	1
4	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1
5	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,299	3
6	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,342	0,5
7	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	1,91	5
8	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03422/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NT1: NT1: nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
1.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	31,5	40
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	5,56	6 ÷ 9
3.	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8.557	29,7
4.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	28.518	74,25
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	2.224	49,5
6.	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,1046	0,0495
7.	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,00495
8.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0273	0,099
9.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,201	1,98
10.	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	4,27	0,198
11.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	157,4	0,99
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	22,3	4,95





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
13.	Amoni (NH_4^+) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 .B&C:2017	144,7	4,95
14.	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077)
2. QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
3. Cmax: Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03423/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NT2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NT2: NT2: nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
1.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	32,8	40
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,26	6 ÷ 9
3.	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28	29,7
4.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	62	74,25
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	8	49,5
6.	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0084	0,0495
7.	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,00495
8.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,099
9.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1,98
10.	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,183	0,198
11.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,836	0,99
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,95





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
13.	Amoni (NH_4^+) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 .B&C:2017	3,2	4,95
14.	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (LOD=2)	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
3. Cmax: Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_r = 1,1$
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03422/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NT1: NT1: nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
1	Lưu lượng nước thải ^(c)	m ³ /h	QTN.03/LAET	2,1	-
2	Oxy hòa tan (DO) ^(c)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,26	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077)
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột A, K_a = 0,9 và K_r = 1,1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03423/2023/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 23.1046.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO** Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, Xã Tân Bình, Tx.La Gi, T.Bình Thuận Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 23.1046.NT2: NT2: nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
1	Lưu lượng nước thải ^(c)	m ³ /h	QTN.03/LAET	2	-
2	Oxy hòa tan (DO) ^(c)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,81	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột A, K_a = 0,9 và K_r = 1,1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền